

Bản án số: 231/2024/HS-ST
Ngày: 29/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Dũng
2. Bà Hoàng Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Tú - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Thị Lý- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 243/2024/HSST ngày 19 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2024 đối với:

Bị cáo Lê Hữu T, Sinh năm: 1990; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: SN..., Phố TS (THQ), phường AH, thành phố TH, tỉnh TH; Nơi ở hiện tại: Chung cư HB, phường AH, thành phố TH, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: LĐTD; Con ông Lê Hữu Th, sinh năm 1965; Con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; Vợ Lê Thị T H, sinh năm 1994; Có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/12/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 57 tháng 08 ngày, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Cố ý gây thương tích”

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2023 đến ngày 30/11/2023, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt)

Những người có QLVNVLQ:

1. Chị Đàm Thị T, sinh năm 1990

Trú tại: SN ...BT, phường ĐC, thành phố TH, tỉnh TH

2. Anh Lại Văn Th, sinh năm 1990

Trú tại: Phố TD, phường ĐT, TP TH, tỉnh TH.

3. Chị Nguyễn Thị HH, sinh năm 1987

Trú tại: Số ... phố QS, phường AH, thành phố TH, tỉnh TH.

4. Anh Nguyễn Duy Tr, sinh năm 1984

Trú tại: Phố VN, phường ĐL, thành phố TH, tỉnh TH.

5. Anh Lại Mạnh T, sinh năm 1992

Trú tại: Phố TD, phường ĐT, TP TH, tỉnh TH.

6. Anh Nguyễn Tiến T1, sinh năm 1996

Trú tại: Phố VN, phường ĐL, thành phố TH, tỉnh TH.

(Tại phiên toà những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 8/04/2022 đến ngày 20/10/2022, Lê Hữu T đã cho nhiều người trên địa bàn thành phố TH vay với tổng số tiền là 90.000.000 đồng; Hình thức “vay theo kỳ hạn tháng” (tiền lãi thu theo tháng); Lãi suất vay từ 3.000đồng/triệu/ngày đến 4.000đ/triệu/ ngày; Thực hiện việc giao tiền vay, tiền trả lãi bằng chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt. Cụ thể Lê Hữu T đã cho vay như sau:

1. Ngày 8/04/2022, Lê Hữu T cho chị Đàm Thị Th, sinh năm 1990 vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất 3.333đ/1triệu/1ngày, tương ứng số tiền lãi 1.000.000đ/1tháng. Đến ngày 08/6/2023 kết thúc gói vay, chị Th đã trả cho T 10.000.000đ tiền gốc và 13 tháng lãi là 13.000.000đ (Trong đó số tiền lãi thu theo quy định là 2.334.247đ; số tiền thu lợi bất chính là: 10.665.753đ).

2. Ngày 05/05/2022, Lê Hữu T cho anh Lại Văn Th, sinh năm 1990 vay số tiền 15.000.000đ với lãi suất 3,3334đ/1 triệu/1ngày, tương ứng số tiền lãi 1.500.000đ/1tháng. Đến ngày 08/05/2023, anh Th đã trả cho T 5.000.000đ tiền gốc và 12 tháng lãi với số tiền 18.000.000đ (số tiền lãi đã thu theo quy định là 3.024.658đ; số tiền thu lợi bất chính là 14.975.342đ). Ngày 08/7/2023, anh Th kết thúc gói vay trả cho T 10.000.000đ tiền gốc còn lại và 02 tháng lãi với số tiền 2.000.000đ (số tiền lãi đã thu theo quy định là 334.247đ; số tiền thu lợi bất chính là 1.665.753đ). Như vậy, tổng số lãi thu được của gói vay này là 20.000.000đ, trong đó số tiền thu theo quy định là 3.358.905, số tiền thu lợi bất chính là: 16.641.095đ

3. Ngày 20/6/2022, Lê Hữu T cho chị Nguyễn Thị HH, sinh năm 1987 vay số tiền 20.000.000đ với lãi suất 3,333đ/1triệu/1ngày, tương ứng số tiền lãi 2.000.000đ/1tháng. Đến ngày 19/9/2022, chị HH đã trả cho T 10.000.000đ tiền gốc và 03 tháng lãi với số tiền 6.000.000đ (số tiền lãi thu theo quy định là 997.260đ; số tiền thu lợi bất chính là 5.002.740đ). Ngày 18/02/2023, chị HH kết thúc gói vay này trả cho T 10.000.000đ tiền gốc và 05 tháng lãi với số tiền 5.000.000đ (số tiền lãi thu theo quy định là 832.877đ; số tiền thu lợi bất chính là 4.167.123đ). Như vậy, tổng số lãi thu được của gói vay này là 11.000.000đ, trong đó số tiền thu theo quy định là 1.830.137, số tiền thu lợi bất chính là: 9.169.863đ

4. Ngày 30/8/2022, Lê Hữu T cho anh Nguyễn Duy Tr, sinh năm 1984 vay số tiền 20.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1triệu/1ngày, tương ứng số tiền lãi 2.400.000đ/1tháng. Đến ngày 03/01/2023, anh Tr đã trả cho T 20.000.000đ tiền gốc và 04 tháng lãi với số tiền 9.600.000đ (Trong đó số tiền thu theo quy định là 1.380.822đ, số tiền thu lợi bất chính là: 8.219.178đ).

5. Ngày 19/9/2022, Lê Hữu T cho anh Lại Mạnh T1, sinh năm 1992 vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất 3.333đ/1triệu/1ngày, tương ứng số tiền lãi 1.000.000đ/1tháng. Đến ngày 19/3/2023, anh T1 đã trả cho T 10.000.000đ tiền gốc và 06 tháng lãi với số tiền 6.000.000đ (Trong đó số tiền thu theo quy định là 991.781đ, số tiền thu lợi bất chính là: 5.008.219đ).

6. Ngày 20/10/2022, Lê Hữu T cho anh Nguyễn Tiến T2, sinh năm 1996 vay số tiền 15.000.000đ với lãi suất 3.000đ/1triệu/1ngày, tương ứng số tiền lãi 1.350.000đ/1tháng. Đến ngày 19/7/2023 kết thúc gói vay, anh T2 đã trả cho T 15.000.000đ tiền gốc và 09 tháng lãi với số tiền 12.150.000đ (Trong đó số tiền lãi thu theo quy định là 2.235.616đ; số tiền thu lợi bất chính là: 9.914.384đ)

Như vậy, tổng số tiền Lê Hữu T đã cho 06 khách hàng vay là 90.000.000đ; Khách đã trả hết số tiền gốc cho T; Số tiền lãi khách hàng đã trả cho T là 71.750.000đ; Trong đó số tiền lãi theo quy định tại Điều 468-BLDS (20%/năm) là 12.131.508đ; Số tiền thu lời bất chính là 59.618.492đ (gấp 5,48 lần đến 7,3 lần lãi suất tối đa quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự).

Ngày 22/11/2023 Lê Hữu T đến Công an tỉnh Thanh Hóa đầu thú.

Quá trình điều tra, bị can Lê Hữu T đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng: Chiếc điện thoại Iphone 6 màu đen T sử dụng để thực hiện việc giao dịch cho vay lãi với khách vay, T đã làm mất và không nhớ số điện thoại do đó không thu giữ được.

- Đối với bản sao kê lịch sử giao dịch của tài khoản số 17079999999 mở tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn SCB mang tên “LE HUU T” từ ngày 15/01/2020 đến ngày 13/6/2023 T đã giao nộp được lưu giữ trong hồ sơ

Về dân sự: Tại Cơ quan điều tra những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đàm Thị Th; Nguyễn Thị HH, anh Lại Văn Th, anh Nguyễn Duy Tr, anh Lại Mạnh T1, anh Nguyễn Tiến T2 không yêu cầu T trả lại số tiền lãi vượt quá quy định của nhà nước mà họ đã trả cho T .

Tại Cáo trạng số 171/CTr-VKSTPTH ngày 15/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Lê Hữu T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 - của Bộ luật hình sự tuyên bố Lê Hữu T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; Xử phạt Lê Hữu T từ 70.000.000đ đến 100.000.000đ. Đồng thời truy thu số tiền 90.000.000đ bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội và 12.131.508đ tiền do phạm tội mà có để nộp Ngân sách Nhà nước. Ghi nhận việc những người có QLNVLQ không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền thu lời bất chính; Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội và xin được hưởng khoan hồng với mức hình phạt thấp nhất.

Những người có QLNVLQ (Chị Th , anh Th, chị HH, anh Tr, anh T1, anh T2): Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời xin giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Cơ quan điều tra là: Không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho họ số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật mà họ đã trả cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 08/04/2022 đến ngày 19/7/2023, tại thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, bị cáo Lê Hữu đã có hành vi cho 06 khách hàng là Đàm Thị Th; Lại Văn Th; Nguyễn Thị HH; Nguyễn Duy Tr; Lại Mạnh T1; Nguyễn Tiến T2 vay tiền với hình thức “Vay theo kỳ hạn tháng”. Tổng số tiền bị cáo cho vay là 90.000.000đ với mức lãi suất 109,5%/ 1 năm đến 146%/ năm; Gấp 5,48 lần đến 7,3 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 - Bộ luật dân sự; Thu lãi số tiền 71.750.000đ (Trong đó thu lời bất chính số tiền 59.618.492đ).

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” Viện kiểm sát nhân dân TP. Thanh Hóa truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất vụ án: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng. Song hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; Đã xâm phạm đến trật tự quản lý tiền tệ trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng của Nhà nước; Xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người vay tài sản; Ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh, đảm bảo tính răn đe giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo; Đầu thú; Ông nội bị cáo (ông Lê Hữu Th) được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến, Huy chương chiến thắng do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51- Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Vì vậy HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, đảm bảo sự khoan hồng của pháp luật. Và áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về vật chứng: Chiếc điện thoại T sử dụng để thực hiện việc giao dịch cho vay lãi với khách vay, T đã làm mất và không nhớ số điện thoại Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với bản sao kê lịch sử giao dịch của tài khoản số 17079999999 mở tại SCB mang tên “LE HUU T” mà Thu giao nộp. Đây là tài liệu chứng cứ của vụ án nên được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[5] Biện pháp tư pháp: Số tiền 90.000.000đ bị cáo dùng để cho 6 khách hàng vay là phương tiện phạm tội; Số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định tại Điều 468

BLDS của khoản vay 12.131.508đ là tiền bị cáo phạm tội mà có. Do đó truy thu nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với số tiền bị cáo thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20% theo quy định của pháp luật) 59.618.492đ là tài sản hợp pháp của những người có QLNVLQ (chị Đàm Thị Th ; Nguyễn Thị HH, anh Lại Văn Th, anh Nguyễn Duy Tr, anh Lại Mạnh T1, anh Nguyễn Tiến T2) nên được trả lại cho họ theo quy định tại khoản 2 Điều 47 BLHS và họ có quyền tự định đoạt đối với số tiền này. Tại phiên toà những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tuy nhiên họ đều có đơn xin giữ nguyên quan điểm tại Cơ quan điều tra là không yêu cầu bị cáo T trả lại cho họ số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật mà họ đã trả cho T. Việc những người có QLNVLQ không yêu cầu T trả lại số tiền trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

[6] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 136 BLTTHS; khoản 1 điều 21; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 47 của Bộ luật hình sự

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Hữu T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

- Xử phạt: Bị cáo Lê Hữu T 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*) để nộp Ngân sách Nhà nước.

- Biện pháp tư pháp: Truy thu của Lê Hữu T số tiền 102.131.508đ (*Một trăm lẻ hai triệu một trăm ba một ngàn năm trăm lẻ tám đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước (Gồm: Số tiền 90.000.000đ bị cáo dùng để cho 6 khách hàng vay và 12.131.508đ tiền lãi tối đa (20%) theo quy định tại Điều 468 BLDS)

Công nhận sự tự nguyện của chị Đàm Thị Th, chị Nguyễn Thị HH, anh Lại Văn Th, anh Nguyễn Duy Tr, anh Lại Mạnh T1, anh Nguyễn Tiến T2 không yêu cầu bị cáo Lê Hữu T trả lại số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật (tổng 59.618.492đ) mà họ đã trả cho T.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 - BLTTHS; khoản 1 điều 21; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Hữu T phải chịu 200.000đ án phí HSST.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Chị Đàm Thị Th, chị Nguyễn Thị HH, anh Lại Văn Th, anh Nguyễn Duy Tr, anh Lại Mạnh T1, anh Nguyễn Tiến T2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Công an TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Nga